TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Thành phố Thái Nguyên**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 224 /2019/QĐST - HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 06 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 716/2019/TLST - HNGĐ ngày 25/9/2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991;

ĐKHKTT:Tổ Y, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở: Xóm T, thôn P, xã S, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang;

Bị đơn: Anh Bùi Đức H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ Y, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các Điều 146, 147 Điều 212, 213, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/4/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26/4/2019 là H toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Đức H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Đức H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về Con chung: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thanh T, sinh ngày 25/10/2011 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 1.000.000đ (một triệu đồng) / tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về lãi chậm trả: Chị N anh H thỏa thuận tính lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 357 khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N tự nguyên nộp 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006853 ngày 24/9/2018 tại Chi cục Thi hành án thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án. /.

NƠI NHẬN	**THẨM PHÁN**
- VKSND TPTN	
- Chi cục THATPTN	
- TAND tỉnh TN	
- Đương sự	
- UBND T, TP TN.	**Trần Thị Thu Hà**
- Lưu HS; BP.	

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Thành phố Thái Nguyên**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 5 năm 2015

BIÊN BẢN
GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN VÀ HOÀ GIẢI THÀNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 21 / 5/2015;

Xét thấy các đ- ơng sự thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2032015/TLST - HNGĐ ngày 07/ 5 /2015.

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đ- ơng sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; cụ thể nh- sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Thu và anh Đỗ Đức Phong đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.
- Về con chung: Chị Thu là ng- ời trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Hà Linh, sinh ngày 03/9/2008 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về cấp d- ỡng nuôi con: Chị Thu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phong có quyền đi lại thăm con chung.

- Về tài sản chung: Các đ- ơng sự xin tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Thu tự nguyện nộp 100.000đ (một trăm ngìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm đ- ợc chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang. Hoàn trả chị Thu 100.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003360 ngày 07/5/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, nếu đ- ơng sự nào có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây, thì phải làm thành văn bản gửi cho Toà án. Hết thời hạn này, nếu không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó, thì Toà án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các đ- ơng sự	**THẨM PHÁN**
tham gia phiên hoà giải	**Chủ trì phiên hoà giải**
(Chữ ký hoặc điểm chỉ)	*(đã ký)*
Lê Thị Thu - Đỗ Đức Phong	**Trần Thị Thu Hà**

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự
- L- u HS

Sao y bản chính, ngày 21 tháng 5 năm 2015

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Thẩm phán

Trần Thị Thu Hà